

## BÁO CÁO

### Kết quả khảo sát thu thập thông tin lấy ý kiến đối với một số dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-ĐĐBQH ngày 20/4/2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn về khảo sát thu thập thông tin lấy ý kiến đối với một số dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV, Đoàn khảo sát đã làm việc với UBND các xã, phường: Mai Lạp (huyện Chợ Mới), Nông Thượng, Sông Cầu (thành phố Bắc Kạn) về việc thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn; làm việc với Thanh tra huyện Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn về thực hiện pháp luật trong hoạt động thanh tra nhà nước; làm việc với Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn về việc thực hiện pháp luật trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

#### I. VIỆC THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

##### 1. Kết quả đạt được và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn

Việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 (*Pháp lệnh số 34*) đã góp phần mang lại sự ổn định chính trị xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thông qua việc tham gia cho ý kiến, quyết định đối với những vấn đề chung của cộng đồng dân cư và hoạt động của chính quyền cơ sở; các phản ánh, kiến nghị của Nhân dân được chính quyền chủ động đối thoại và kịp thời giải quyết, qua đó tuyên truyền, giải thích về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhận được sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân tại cơ sở.

Qua khảo sát cho thấy, quá trình thực hiện dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa thường xuyên; việc sơ kết, tổng kết thực hiện quy chế dân chủ chủ yếu lồng ghép trong các hội nghị chưa được tổ chức riêng để có đánh giá, phân tích cụ thể những khó khăn, vướng mắc và đưa ra giải pháp khắc phục hiệu quả. Bên cạnh đó, do địa hình rộng, dân cư sinh sống không tập trung, hệ thống loa truyền thanh đã xuống cấp và chưa được đầu tư đến các cụm dân cư nhỏ lẻ nên gặp nhiều khó khăn khi tuyên truyền, triển khai các chính sách đến người dân.

- Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư công đồng hiệu quả chưa cao, thành viên các Ban hoạt động kiêm nhiệm, không bảo đảm chuyên môn nghiệp vụ, nhất là đối với những lĩnh vực cần có kiến thức chuyên ngành (*nhiều đầu tư xây dựng cơ bản*), nên việc tham gia giám sát các công trình, dự

án thường không kịp thời, hiệu quả. Trong khi đó, kinh phí hoạt động ít<sup>1</sup> và thủ tục thanh quyết toán rườm rà; chưa có quy định về thẩm quyền xử lý khi phát hiện dấu hiệu vi phạm (*theo quy định hiện hành, Ban Thanh tra nhân dân chỉ có quyền kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý vi phạm*).

- Việc thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở của Nhân dân còn hạn chế, người dân chưa thực sự quan tâm đến các hoạt động chung của cộng đồng dân cư, của chính quyền địa phương, nhiều nội dung đưa ra họp thôn, tổ để Nhân dân bàn bạc, cho ý kiến và quyết định hoặc niêm yết công khai xin ý kiến ít hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện lấy ý kiến Nhân dân còn khó khăn, do chưa đảm bảo đầy đủ các điều kiện vật chất (*không có thiết bị điện thoại thông minh để truy cập, không có hệ thống mạng Internet*), nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa...

- Các dự án, công trình thực hiện trên địa bàn xã do huyện làm chủ đầu tư, mặc dù Nhân dân là người thụ hưởng nhưng chính quyền cơ sở, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Nhân dân không được chủ đầu tư thông tin hoặc thông tin không đầy đủ về quá trình triển khai, thực hiện công tình/dự án, không được tham gia giám sát trong quá trình thực hiện<sup>2</sup>.

- Một số nội dung quy định tại Pháp lệnh số 34 không còn phù hợp với hệ thống pháp luật mới được ban hành và với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay như: Phạm vi nội dung phải công khai còn hạn chế, chưa phù hợp với quy định của Luật Tiếp cận thông tin<sup>3</sup>, Luật Tổ chức chính quyền địa phương<sup>4</sup>; Luật Phòng, chống tham nhũng<sup>5</sup>; Luật Đất đai<sup>6</sup>...; hình thức công khai còn đơn giản, chưa phù hợp với điều kiện phát triển khoa học - kỹ thuật; chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ thể trong tổ chức thực hiện dân chủ và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

## **2. Về sự cần thiết ban hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở**

Qua khảo sát, các ý kiến đều đồng tình với việc luật hóa Pháp lệnh số 34, Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30/8/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ điều chỉnh việc thực hiện dân chủ cơ sở ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp lên thành Luật với các lý do như Tờ trình của Chính phủ đã đưa ra và nhất trí với nhiều nội dung mới được bổ sung trong dự thảo Luật. Tuy nhiên, đối với một số nội dung quy định liên quan đến hình thức công khai thông tin và Nhân dân tham gia ý kiến qua mạng xã hội zalo, viber, facbook đề nghị Ban soạn thảo xem xét đánh giá kĩ lưỡng, đầy đủ hơn; đề nghị quy định cụ thể chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trong dự thảo Luật....

<sup>1</sup> Có xã được bố trí kinh phí 2.000.000 đồng/năm (Trong đó: 1.200.000 đồng chi phụ cấp cho Trưởng ban, Phó Trưởng ban và 800.000 đồng để chi hoạt động)

<sup>2</sup> Dự án xây dựng trụ sở HĐND-UBND phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn; trụ sở HĐND-UBND xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới; tuyến đường bờ suối qua địa phận tổ 7, tổ 8, tổ 9, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn; sửa chữa trụ sở trường THCS Bắc Kạn.

<sup>3</sup> Pháp lệnh chưa có quy định về nội dung thông tin quy định phải công khai tại các điểm g, h, k, l, m Điều 17.

<sup>4</sup> Khoản 3 Điều 80; khoản 4 Điều 86; khoản 2 Điều 120; Điều 125.

<sup>5</sup> Điều 10; Điều 18; Điều 39.

<sup>6</sup> Điều 86; Điều 157.

### 3. Về góp ý dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở<sup>7</sup>

#### 3.1. Về nội dung và hình thức công khai thông tin

Để phù hợp với điều kiện phát triển và thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành, việc xem xét mở rộng phạm vi nội dung công khai và hình thức công khai thông tin như dự thảo Luật quy định là rất cần thiết. Tuy nhiên, đối với một số nội dung và hình thức công khai đề nghị cần được nghiên cứu, đánh giá kĩ lưỡng trước khi đưa vào Luật. Cụ thể:

- Về những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai tại Điều 9 dự thảo Luật.

+ Đối với nội dung công khai: “Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn cấp xã” quy định tại khoản 8 điều luật này. Qua khảo sát, các ý kiến cho rằng không nên đưa nội dung quy định này vào điều luật, vì mang tính chất bí mật. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự đã quy định cụ thể thời hạn và hình thức công khai danh sách công dân thuộc diện được tạm hoãn, miễn gọi nhập ngũ<sup>8</sup>. Do đó, khi triển khai tổ chức thực hiện tuyển và giao quân hàng năm, các thông tin trên đã được chính quyền địa phương, thôn, tổ dân phố nắm rõ, đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ.

+ Đề nghị bổ sung quy định nội dung công khai đối với các trường hợp vi phạm pháp luật đã chấp hành xong án phạt tù bằng hình thức thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông tin cho người dân biết và cùng tham gia giám sát, giúp đỡ những đối tượng này khi được trở về địa phương, hòa nhập cộng đồng.

+ Đề nghị bổ sung quy định công khai đối với các công trình, dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn xã cho chính quyền cơ sở và Nhân dân được biết để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện, đảm bảo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, đồng thời để chính quyền địa phương, thôn, tổ dân phố cùng tham gia tuyên truyền, vận động người dân hiểu và ủng hộ việc xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn, kịp thời giải thích, xử lý những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng.

- Về các hình thức công khai thông tin của chính quyền cấp xã và hình thức Nhân dân tham gia ý kiến.

+ Đối với hình thức công khai thông tin qua mạng xã hội viber, zalo, facebook quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 cần được xem xét, đánh giá kĩ lưỡng về mức độ bảo đảm an toàn khi thực hiện qua các hình thức này. Đồng thời, cần quy định cụ thể các nội dung được công khai qua hình thức này để vừa đảm bảo tính chặt chẽ, an toàn, vừa phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay.

<sup>7</sup> Dự thảo được trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV.

<sup>8</sup> Danh sách công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ, được miễn gọi nhập ngũ phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 20 ngày.

Bên cạnh đó, đề nghị rà soát, đánh giá cụ thể về các điều kiện cơ sở vật chất-kỹ thuật, nhân lực, kinh phí...của chính quyền cấp xã để bảo đảm tính khả thi của quy định thực hiện hình thức đăng tải thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử. Qua khảo sát cho thấy, một số xã đã được thiết lập Trang thông tin điện tử nhưng chưa được giao quyền quản lý, chủ động trong phê duyệt đăng tin, bài (*hiện nay thuộc quản lý của UBND cấp huyện*). Như vậy, không tạo sự chủ động cho UBND cấp xã, đồng thời không đúng với tinh thần quy định của Luật khi thực hiện công khai thông tin qua hình thức này.

+ Đề nghị bổ sung địa điểm niêm yết nội dung thông tin công khai tại bảng thông tin cộng đồng các thôn, tổ dân phố để người dân được tiếp cận thông tin thuận lợi hơn.

+ Khoản 2 Điều 12 quy định đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 9 (*Dự án, công trình đầu tư và tình hình triển khai, tiến độ thực hiện, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã*) thì chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai bằng hình thức niêm yết và đăng tải trên trang, cổng thông tin điện tử của xã.

Tuy nhiên, không phải người dân nào cũng có điều kiện, khả năng truy cập Trang/Cổng thông tin điện tử cấp xã hoặc đến trụ sở chính quyền cấp xã để tiếp cận, nghiên cứu nội dung thông tin trên, trong khi đây là nội dung quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, nên công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Do đó, tại Điều 11 quy định về các nội dung công khai thông qua hệ thống truyền thanh cấp xã, thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố, gửi trực tiếp bằng văn bản đến Nhân dân, đề nghị xem xét bổ sung nội dung thông tin quy định tại khoản 3 Điều 9 cho đầy đủ.

- Qua khảo sát, có ý kiến đề nghị không nên quy định việc tổ chức lấy ý kiến của Nhân dân thông qua hình thức mạng xã hội zalo, viber, facebook quy định tại khoản 5 Điều 23 dự thảo Luật đối với các nội dung (*dự thảo phát triển kinh tế - xã hội; dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính...*) trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được quy định tại Điều 22. Vì thực tế trình độ và nhận thức của người dân không đồng đều, do đó có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng đưa ra các ý kiến bình luận trái chiều, tạo làn sóng phản đối hoặc gây tâm lý hoang mang, dao động cho người dân đối với những vấn đề được chính quyền đưa ra xin ý kiến.

### **3.2 Về chủ thể có thẩm quyền bàn và quyết định**

Khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật quy định “*Cử tri là người đang chấp hành án phạt tù...trong thời gian 24 giờ trước thời điểm lập danh sách cử tri có văn bản ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật này được ghi tên vào danh sách cử tri*” là chủ thể có thẩm quyền bàn và quyết định các nội dung tại cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 30 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân quy định những trường hợp không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên

vào danh sách cử tri gồm: “*Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri*”.

Như vậy, quy định của dự thảo Luật chưa đảm bảo tính thống nhất với Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Do đó, đề nghị xem xét chỉnh sửa cho phù hợp.

### **3.3. Về hiệu lực thi hành quyết định của cộng đồng dân cư**

Khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật quy định thẩm quyền ban hành quyết định công nhận nội dung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Đây là nội dung sửa đổi mới so với quy định hiện hành và qua khảo sát có 02 luồng ý kiến đối với vấn đề này:

- Ý kiến thứ 1: Nhất trí với quy định của dự thảo Luật. Bởi vì, UBND cấp xã là chính quyền gần với Nhân dân nhất, hiểu rõ đặc điểm, tình hình của thôn, tổ dân phố. Đồng thời, đội ngũ công chức cấp xã đã được chuẩn hóa về chuyên môn và ngày càng được nâng cao về trình độ, theo đó giúp lãnh đạo UBND xã thẩm định nội dung hương ước, quy ước đảm bảo chính xác và phù hợp với thực tế địa phương. Bên cạnh đó, quy định như dự thảo Luật sẽ giúp giảm tải khối lượng công việc cho UBND cấp huyện, vì số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp huyện lớn, dẫn đến khối lượng công việc và thời gian thẩm định dài, không đảm bảo tính kịp thời để hương ước, quy ước được thi hành.

- Ý kiến thứ 2: Đề nghị giữ nguyên quy định thẩm quyền của UBND cấp huyện công nhận hoặc không công nhận hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố như quy định hiện hành<sup>9</sup>. Bởi vì, UBND cấp huyện có các phòng chuyên môn (*Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tư pháp*) với số lượng công chức nhiều hơn, do đó việc phối hợp tổ chức thẩm định nội dung trước khi trình Lãnh đạo UBND ký quyết định thuận tiện hơn. Trong khi đó, số lượng công chức ở cấp xã ít và khối lượng công việc xử lý hằng ngày lớn, có thể không đảm bảo tính kịp thời, chính xác khi thẩm định.

### **3.4. Về nội dung Nhân dân giám sát**

Khoản 2 Điều 31 quy định Nhân dân giám sát đối với: “*Việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tại nơi cư trú của cán bộ, công chức, người làm việc trong bộ máy của chính quyền địa phương cấp xã*”, như vậy người dân không được giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tại nơi cư trú đối với các trường hợp nêu trên nếu họ làm việc trong bộ máy của chính quyền cấp huyện, cấp tỉnh. Điều này là không hợp lý, không đúng theo phuong châm “*dân giám sát*”.

Theo đó, đề nghị chỉnh sửa quy định này theo hướng bổ sung nội dung Nhân dân giám sát đối với việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tại nơi cư trú đối với tất cả cán bộ, công chức, người làm việc trong bộ máy cơ quan Đảng, chính quyền các cấp cho đầy đủ.

<sup>9</sup> Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BVHTTDL ngày 06/8/2020 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng thực hiện hương ước, quy ước

### **3.5. Về những nội dung người sử dụng lao động phải công khai**

Đề nghị quy định cụ thể “Bản kê khai của người dự kiến bao giờ chức vụ lãnh đạo...” tại điểm d khoản 2 Điều 45 bao gồm những nội dung kê khai gì (*tài sản, lý lịch...*) để có cách hiểu thống nhất khi thi hành Luật.

### **3.6. Về chế định Ban Thanh tra nhân dân**

Qua khảo sát, các đơn vị đồng tình với chủ trương chuyển chế định Ban Thanh tra nhân dân từ Luật Thanh tra năm 2010 sang dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Bởi lẽ, chế định Ban thanh tra nhân dân mặc dù được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 nhưng quy trình thực hiện một cuộc thanh tra không theo trình tự, thủ tục được quy định trong Luật. Mặt khác, phạm vi thực hiện là ở cơ sở, tại các cơ quan, đơn vị, chưa đúng tinh thần, mục đích của việc xây dựng và thi hành Luật Thanh tra. Do đó, việc chuyển chế định này sang Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở là hợp lý.

## **II. VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NHÀ NƯỚC**

### **1. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Thanh tra năm 2010**

- Biên chế công chức của Thanh tra cấp huyện được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của huyện được cấp có thẩm quyền giao. Số lượng biên chế thanh tra cấp huyện hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao (*03 người/thanh tra cấp huyện*), nhất là khi thành lập các Đoàn thanh tra thường phải trung lập công chức từ các phòng chuyên môn.

Bên cạnh đó, việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra cũng gặp nhiều khó khăn, do không có người thực hiện. Mặt khác, trong trường hợp Trưởng Đoàn thanh tra là lãnh đạo Thanh tra cấp huyện thì việc cử người giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra mang tính hình thức, không đảm bảo khách quan, hiệu quả giám sát chưa cao.

- Tổ chức và hoạt động thanh tra hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào cơ quan quản lý nhà nước (*tổ chức, biên chế, kinh phí, xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra; trong quá trình tiến hành thanh tra và kết thúc, kết luận và kiến nghị xử lý sau thanh tra*). Do đó, chưa đảm bảo tính chủ động, độc lập trong hoạt động của thanh tra.

- Hoạt động thanh tra giữa thanh tra cấp tỉnh và thanh tra các huyện, giữa thanh tra với kiểm toán vẫn còn có sự chồng chéo về đối tượng thanh tra; một số kết luận thanh tra chưa được thực hiện triệt để.

- Một số quy định của Luật Thanh tra năm 2010 (*Luật năm 2010*) chưa cụ thể, đầy đủ và thiếu chế tài xử lý nên gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan thanh tra, như:

+ Khoản 1 Điều 40 Luật năm 2010 quy định thời hạn Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh

tra chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra trong 15 ngày, kể từ ngày kết luận thanh tra hoặc nhận được kết luận thanh tra. Tuy nhiên chưa quy định cụ thể thời hạn thực hiện kết luận thanh tra đối với các đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Điều 41 Luật năm 2010 quy định việc xử lý hành vi không thực hiện yêu cầu, kết luận, quyết định xử lý về thanh tra đối với đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan mang tính chất chung, chưa cụ thể các biện pháp, chế tài xử lý trong các trường hợp này.

+ Về nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra huyện: Luật quy định, thanh tra cấp huyện có nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã. Tuy nhiên, chưa có quy định việc tổ chức thực hiện thanh tra đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc quản lý của UBND cấp huyện (*ví dụ như các trường học tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú*). Mặc dù, hiện nay cơ quan thanh tra cấp huyện vẫn đang thực hiện nhiệm vụ thanh tra này hằng năm.

## **2. Sự cần thiết ban hành Luật Thanh tra (sửa đổi)**

Luật năm 2010 được Quốc hội thông qua đã thiết lập hành lang pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng của hoạt động thanh tra, góp phần tăng cường hiệu quả của quản lý nhà nước. Tuy nhiên, với những hạn chế, bất cập và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, qua khảo sát các đơn vị đồng tình với sự cần thiết ban hành Luật Thanh tra (sửa đổi), bổ sung các quy định mới và sửa đổi các quy định không còn phù hợp để đáp ứng mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ trong hoạt động thanh tra nhà nước hiện nay.

## **3. Nội dung góp ý cụ thể<sup>10</sup>**

### **3.1. Về hệ thống thanh tra nhà nước**

Qua khảo sát, cơ bản các ý kiến đồng tình với quy định giữ nguyên hệ thống thanh tra hành chính nhà nước như Luật hiện hành (*gồm: Thanh tra Chính phủ; Thanh tra cấp tỉnh; Thanh tra cấp huyện*). Đề nghị không bỏ cơ quan thanh tra cấp huyện, vì ngoài thực hiện chức năng thanh tra còn thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo và triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Mặt khác, nếu bỏ tổ chức Thanh tra cấp huyện thì Thanh tra tỉnh phải tăng biên chế, tổ chức thêm các phòng chuyên môn để phụ trách địa bàn các huyện. Bên cạnh đó, với địa phương có địa giới hành chính rộng và số lượng đơn vị hành chính cấp huyện lớn, thì việc tổ chức thanh tra có thể không đảm bảo kịp thời, đầy đủ. Vì vậy, cần giữ nguyên tổ chức thanh tra cấp huyện để giúp Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện thực hiện những nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị xem xét bỏ thanh tra cấp huyện. Vì với cơ cấu và số lượng biên chế của Thanh tra cấp huyện như hiện nay thì hoạt động của cơ quan này chưa thực sự hiệu quả, chủ yếu thực hiện chức năng tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện, chưa phát huy được vai

<sup>10</sup> Bản dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 4/2022.

trò trong phát hiện các vấn đề trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật, phòng ngừa và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý nhà nước của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

### **3.2. Về thẩm quyền thành lập thanh tra sở**

Qua khảo sát, các ý kiến đều đồng tình với chủ trương giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập thanh tra sở trên cơ sở quy định của luật chuyên ngành, yêu cầu quản lý trong từng lĩnh vực và tổ chức, biên chế được giao cho địa phương là hợp lý và tạo sự chủ động cho chính quyền địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 21<sup>11</sup> Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019. Đồng thời, cần tăng số lượng biên chế cho Thanh tra cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với những ngành không có tổ chức thanh tra.

### **3.3. Về hình thức, trình tự thanh tra**

- Về hình thức thanh tra: Điều 37 của Luật năm 2010 quy định có 03 hình thức thanh tra gồm: Thanh tra theo kế hoạch, thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất. Qua khảo sát tại các đơn vị đều đồng tình với chủ trương bổ hình thức thanh tra thường xuyên theo ý kiến của cơ quan trình dự thảo Luật.

Việc tổ chức thực hiện thanh tra thường xuyên hiện nay đang khó phân biệt với hoạt động kiểm tra thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của các ngành và hiện không có hướng dẫn cụ thể về hình thức thanh tra thường xuyên, nên các địa phương gặp nhiều lúng túng khi thực hiện<sup>12</sup>. Mặt khác, khó thực hiện hoạt động giám sát đối với hình thức thanh tra thường xuyên trong việc tuân thủ trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra theo quy định.

- Về trình tự thanh tra: Qua khảo sát, các ý kiến đồng tình với quy định áp dụng chung một trình tự, thủ tục đối với thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành như dự thảo Luật để đảm bảo các nguyên tắc của hoạt động thanh tra và tạo tính đồng bộ, chuyên nghiệp, thống nhất.

### **3.4. Về thẩm quyền của thanh tra**

Việc quy định tăng thẩm quyền xử lý cho Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra nếu phát hiện hành vi vi phạm thì lập biên bản về hành vi vi phạm để làm cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật và nếu phát hiện thấy dấu hiệu của việc tẩu tán, chuyển dịch, hủy hoại tài sản thì thực hiện hoặc đề nghị cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập, cơ quan có thẩm quyền khác có biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi đó như dự thảo Luật quy định là hợp lý và đã cụ thể hóa nội dung tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế tại Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư.

<sup>11</sup> Điều 9, Điều 21 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương quy định Sở là cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Sở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định

<sup>12</sup> Nghị định số 07/2012/NĐ-CP chỉ hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch và đột xuất.

### **3.5. Về xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh, giữa thanh tra và kiểm toán nhà nước**

Dự thảo Luật quy định cụ thể các nguyên tắc để tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra và giữa hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm toán nhà nước khi xây dựng kế hoạch và trong quá trình triển khai thực hiện. Tuy nhiên, qua khảo sát các đơn vị đề nghị xem xét điều chỉnh một số nội dung như:

- Đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 43<sup>13</sup> về việc áp dụng pháp luật trong hoạt động thanh tra cho phù hợp, đảm bảo Luật Thanh tra là luật “gốc” khi thực hiện hoạt động thanh tra.

- Khoản 1 Điều 52 dự thảo Luật quy định nguyên tắc xử lý chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra: “...Trường hợp không thống nhất được thì cơ quan nào đang tiến hành hoạt động thanh tra hoặc kiểm toán trước thì cơ quan đó tiếp tục thực hiện” là chưa thống nhất với quy định của Luật Kiểm toán nhà nước. Đề nghị xem xét chỉnh sửa nội dung quy định này.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định thời gian tối thiểu số năm lặp lại việc thanh tra, kiểm toán đối với các đơn vị để tránh trường hợp một đơn vị được thanh tra, kiểm toán liên tiếp giữa năm trước và năm sau (*trừ trường hợp phát hiện vấn đề cần thanh tra, kiểm toán đột xuất*), ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở.

### **3.6. Vấn đề khác**

- Qua khảo sát cho thấy, tình trạng số lượng biên chế công chức thanh tra cấp huyện được giao hiện nay ít, bên cạnh đó thường xuyên biến động do thực hiện luân chuyển, điều động (*có trường hợp được cử đi học nghiệp vụ thanh tra, chưa kịp bổ nhiệm Thanh tra viên đã chuyển sang bộ phận chuyên môn khác*). Do đó, khó khăn trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên nghiệp, tâm huyết, gắn bó với nghề và lãng phí về thời gian, kinh phí đào tạo nghiệp vụ thanh tra. Mặt khác, thanh tra là hoạt động đòi hỏi cần kiến thức chuyên môn sâu, nắm vững nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tiễn và thời gian để đào tạo, bồi dưỡng được một thanh tra viên có chuyên môn vững, làm việc chuyên nghiệp là không ngắn. Tuy nhiên, thời hạn định kỳ luân chuyển, điều động cán bộ thanh tra như hiện nay<sup>14</sup> khiến cho đội ngũ thanh tra chưa phát huy được hiệu quả.

<sup>13</sup> Điều 43 dự thảo Luật quy định: “...Trường hợp luật khác có quy định về hoạt động thanh tra khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của luật đó”.

<sup>14</sup> Điều 3 Thông tư số 10/2014/TT-TTCP ngày 24/11/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định chi tiết danh mục vị trí công tác thanh tra của công chức trong các cơ quan thanh tra nhà nước phải định kỳ chuyển đổi thì thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức làm việc tại các vị trí công tác thanh tra được quy định là **05 năm** và Điều 4 Thông tư số 03/2021/TT-TTCP ngày 30/9/2021 của Thanh tra Chính phủ (*thay thế Thông tư số 10/2014*) quy định thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại chính quyền đại phương là **từ đủ 03 năm đến 05 năm**.

biên chế cho Thanh tra cấp huyện để đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ được thuận lợi hơn.

### **III. VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

#### **1. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 (Luật năm 2009) và các quy định cần bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định mới**

**1.1.** Việc xác định tổng mức thanh toán chi phí KCB BHYT cho cơ sở KCB hàng năm quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT còn bất cập. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc xác định tổng mức thanh toán BHYT tại các cơ sở KCB chưa phù hợp với thực tế. Theo quy định, tổng mức thanh toán BHYT được xác định theo công thức:  $T_{\text{năm hiện tại}} = T_{\text{năm trước liền kề}} + C_n$  (*chi phí phát sinh tăng, giảm năm hiện tại*). Tuy nhiên, khi chi phí KCB của năm trước liền kề vượt tổng mức đã được phê duyệt nhưng chưa được cơ quan bảo hiểm chấp nhận thanh toán thì không được tính trong tổng mức thanh toán của năm đó để làm căn cứ xác định tổng mức thanh toán BHYT của năm tiếp theo. Do đó, khi xác định tổng mức thanh toán BHYT của năm hiện tại không đúng với thực tế thanh toán phát sinh tại các bệnh viện.

Thứ hai, việc xác định chi phí phát sinh tăng hoặc giảm: Trong công thức tính số lượt và mô hình bệnh tật chưa phản ánh đúng thực tế. Có trường hợp số lượng KCB năm sau đối với cùng mã bệnh nhưng bệnh nặng hơn (*thời gian điều trị kéo dài và chi phí điều trị cao hơn*), tuy nhiên chỉ được nhân với chi phí bình quân của năm trước (*có chi phí điều trị thấp hơn*). Đồng thời, công thức tính số lượt và mô hình bệnh tật chỉ tính theo mã bệnh chính, trong khi tại các cơ sở điều trị, mã bệnh phụ không được phản ánh trong công thức, dẫn đến kết quả xác định chi phí phát sinh tăng hoặc giảm hàng năm không chính xác.

Trong khi, tại khoản 5 Điều 24 Nghị định 146/2018/NĐ-CP quy định “Quy BHYT thanh toán chi phí KCB theo báo cáo quyết toán năm của cơ sở KCB đã được thẩm định nhưng không vượt quá tổng mức thanh toán chi phí KCB BHYT được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này”. Do đó, gây khó khăn cho các bệnh viện khi chỉ định các kỹ thuật cao hay sử dụng thuốc điều trị cho người bệnh, làm ảnh hưởng quyền lợi của người bệnh.

**1.2.** Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khác. Cụ thể:

- Quy định về phân tuyến kỹ thuật và phân loại phẫu thuật, thủ thuật được quy định tại 02 văn bản riêng biệt (Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014) gây khó khăn cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi xây dựng hồ sơ và cho cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám, chữa bệnh.

Số lượng kỹ thuật (theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT và đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế) cho cả 04 tuyến là quá lớn. Trong đó, nhiều kỹ thuật ở chuyên khoa khác nhau, có các mã khác nhau nhưng về bản chất là một kỹ thuật, do vậy danh mục kỹ thuật của các đơn vị được duyệt lớn hơn danh mục thực tế thực hiện. Có một số danh mục kỹ thuật đơn vị đã thực hiện trên bệnh nhân nhưng chưa có mã để phiên tương đương nên không được BHYT thanh toán giá dịch vụ y tế.

- Luật Bảo hiểm y tế chưa cập nhật tính thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, chưa quy định việc được sử dụng phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng, sản phẩm điều trị suy dinh dưỡng... trong khám, chữa bệnh nên chưa có cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán BHYT.

- Tại Khoản 1, Điều 24, Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định thời gian thực hành để được cấp Chứng chỉ hành nghề đối với bác sĩ là 18 tháng, đối với y sỹ là 12 tháng, đối với hộ sinh viên, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên là 09 tháng. Trong khi đó, tại khoản 1 và khoản 2, Điều 27 Luật Viên chức quy định khi mới được tuyển vào làm việc phải tập sự từ 03-12 tháng. Điều này dẫn đến việc nhiều cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ ký hợp đồng đối với người có chứng chỉ hành nghề và sau đó người này lại vẫn phải tập sự từ 03-12 tháng. Như vậy, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa 02 văn bản quy phạm pháp luật.

### **1.3. Về thực trạng cung ứng và sử dụng thuốc tại các cơ sở KCB:**

Từ năm 2010 đến nay, Sở Y tế tổ chức đấu thầu mua thuốc tập trung cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn toàn tỉnh. Về cơ bản, thuốc trúng thầu được cung ứng đủ và kịp thời theo yêu cầu chuyên môn của các cơ sở y tế. Tuy nhiên, hoạt động cung ứng và sử dụng thuốc còn một số tồn tại, bất cập như sau: Đôi khi không lựa chọn trúng thầu được một số loại thuốc có số lượng sử dụng ít nhưng cần thiết trong cấp cứu do không có nhà thầu dự thầu. Các đơn vị y tế phải lựa chọn các thuốc khác để thay thế. Mặt khác, công tác dự đoán, dự trù thuốc của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh còn gặp nhiều hạn chế, chủ yếu dự trù dựa trên số liệu sử dụng thuốc của năm trước, theo thói quen sử dụng thuốc của một số bác sĩ, ... chưa có các khảo sát, đánh giá, phân tích chi tiết về danh mục thuốc dựa trên mô hình bệnh tật, dựa trên so sánh số lượng, chi phí, hiệu quả, ... để làm căn cứ xây dựng, dự trù thuốc, nên danh mục thuốc kế hoạch đôi khi chưa sát với thực tế sử dụng.

## **3. Đối với một số vấn đề cụ thể<sup>15</sup>**

### **3.1. Về hệ thống tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

Các ý kiến nhất trí với dự thảo Luật quy định về hệ thống cơ sở KCB bao gồm cả Nhà nước và tư nhân được tổ chức thành 03 cấp: Cấp KCB ban đầu, cấp KCB cơ bản, cấp KCB chuyên sâu thay vì phân định hệ thống cơ sở KCB thành 04 tuyến tương ứng với 04 cấp hành chính như Luật KCB hiện hành. Tuy nhiên, Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế lại căn cứ phân tuyến, phân hạng bệnh viện để xác định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế... thì không phù hợp vì sẽ không khuyến khích

<sup>15</sup> Dự thảo Luật Khám, chữa bệnh (sửa đổi) trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 4/2022.

người bệnh đến khám bệnh, chữa bệnh tại tuyến xã vì có sự chênh lệch về danh mục thuốc được kê đơn và số ngày được nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội khi phải lưu đẻ theo dõi và điều trị tại Trạm y tế xã (không quá 03 ngày) so với bệnh viện tuyến huyện (tại khoản 3, Điều 15 Thông tư 56/TB-BYT).

Các ý kiến cũng cho rằng, sau khi phân cấp hệ thống cơ sở khám chữa bệnh như dự thảo Luật đề ra, thì việc quy định phân hạng bệnh viện không cần thiết tiếp tục áp dụng.

### **3.2. Về chứng chỉ hành nghề**

Qua khảo sát, việc cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Luật Khám, chữa bệnh năm 2009 hiện tại không có khó khăn, vướng mắc.

Các ý kiến nhất trí bỏ quy định đổi tượng theo văn bằng chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề như Luật năm 2009 và thay thế bằng quy định chức danh nghề nghiệp phải có giấy phép hành nghề (GPHN). Tuy nhiên, không cần thiết quy định GPHN có giá trị 05 năm, mà chỉ quy định đổi với các trường hợp nghỉ hành nghề KCB từ 1 năm mới cần kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề để cấp lại GPHN.

### **3.3. Về Hội đồng Y khoa Quốc gia**

Đề nghị chỉ quy định giao thực hiện việc tổ chức kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề KCB, còn thẩm quyền cấp và thu hồi giấy phép hành nghề cần giao cho các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện đúng các chức năng được giao quản lý trong lĩnh vực KCB.

### **3.4. Về cơ sở dịch vụ tiêm chủng**

Theo Điều 42 dự thảo Luật quy định cơ sở dịch vụ tiêm chủng là một trong những hình thức tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phải có giấy phép hoạt động (khoản 2 Điều 43). Tuy nhiên, tại khoản 4 Điều 43 quy định “Cơ sở chỉ cung cấp dịch vụ tiêm chủng không phải có giấy phép hoạt động”, như vậy, cơ sở tiêm chủng thực hiện chức năng dự phòng thì sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Đề nghị cần có quy định làm rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ sở dịch vụ tiêm chủng để đảm bảo tính thống nhất trong dự thảo Luật.

### **3.5. Về khám, chữa bệnh từ xa**

Thực hiện Đề án khám, chữa bệnh từ xa giai đoạn 2020-2025, ngành Y tế Bắc Kạn đã triển khai hệ thống truyền hình trực tuyến và khám chữa bệnh từ xa gồm 1 điểm cầu tại Sở Y tế, 9 điểm cầu tại bệnh viện/trung tâm y tế cấp huyện và 1 điểm cầu tại trạm y tế xã Vi Hương. Hệ thống truyền hình trực tuyến và khám chữa bệnh từ xa được đưa vào hoạt động không chỉ giúp việc trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong Ngành kịp thời thông suốt; tăng cường đào tạo, hướng dẫn chuyên môn cho cán bộ y tế tuyến dưới, giảm thiểu tình trạng quá tải ở tuyến trên. Trong điều kiện dịch Covid19 diễn biến phức tạp, hệ thống truyền hình trực tuyến và khám chữa bệnh từ xa đã góp phần nâng cao công tác chỉ đạo, quản lý, hội chẩn và khám chữa bệnh của hệ thống y tế toàn tỉnh, giúp các bác sĩ tuyến tỉnh kịp thời tham vấn ý kiến chuyên môn của các bác sĩ bệnh viện đầu ngành.

Tuy nhiên qua khảo sát, các đơn vị còn gặp khó khăn cần có nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện; trang thiết bị hỗ trợ thăm khám tại phòng hội chẩn chưa đầy đủ; chưa có cơ chế tài chính hỗ trợ thù lao cho các bác sĩ, nhân viên y tế trong quá trình khám, chữa bệnh từ xa...

Đề nghị khi quy định về khám bệnh, chữa bệnh từ xa trong Luật Khám bệnh, chữa bệnh cần phải có quy định cụ thể về chi phí thực hiện.

### **3.6. Về bảo hiểm trách nhiệm trong KCB**

Qua khảo sát, các đơn vị chưa thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh; nguyên nhân chủ yếu là do kinh phí của đơn vị còn khó khăn và chưa có quy định bắt buộc thực hiện.

Kế thừa từ Luật KCB hiện hành, dự thảo Luật tiếp tục quy định cơ sở KCB và người hành nghề bắt buộc phải mua bảo hiểm trách nhiệm trong KCB. Đề nghị cần có những quy định cụ thể về nguồn kinh phí thực hiện đặc biệt là đối với các cơ sở KCB công lập và chế tài thực hiện để đảm bảo tính khả thi.

### **3.7. Về bảo đảm an ninh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

Đề nghị bổ sung trong dự án Luật quy định cụ thể về các biện pháp bảo đảm an ninh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác như các biện pháp tổ chức bảo đảm an ninh chung, sự tham gia của lực lượng công an trong bảo đảm an ninh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hay vấn đề kinh phí để bảo đảm cho hoạt động này.

### **3.8. Về tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh**

Các đơn vị nhất trí với dự thảo Luật quy định cho phép các tổ chức có tên gọi như cơ sở giám định y khoa, trung tâm y tế huyện, viện nghiên cứu có giường bệnh và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên gọi khác được cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh nếu đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật; Cho phép phòng khám đa khoa tư nhân tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tổ chức giường lưu động theo dõi và điều trị người bệnh nhưng tối đa không quá 72 giờ.

Việc quy định như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

### **3.9. Quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh**

Theo quy định, giá dịch vụ khám chữa bệnh cho người không có BHYT tại các bệnh viện thuộc địa phương được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, việc xây dựng và ban hành các văn bản này cần nhiều thời gian do phải thực hiện đầy đủ theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, thực tế việc điều chỉnh giá dịch vụ khám chữa bệnh chưa đảm bảo tính kịp thời với giá phát sinh tại từng thời điểm và chưa phù hợp với quy định của Luật Giá, ảnh hưởng đến việc thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo chủ trương của Đảng và các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ.

Đối với giá dịch vụ thanh toán chi phí khám chữa bệnh từ quỹ BHYT, việc giám định các chi phí để thanh toán KCB BHYT cũng gây nhiều bất cập, các cơ sở KCB bị xuất toán gây ảnh hưởng lớn đến nguồn thu. (VD: Trước đây có tình trạng không thanh toán các chi phí chưa sử dụng hết định mức, nhưng không bổ sung các chi phí chưa tính hoặc tính chưa đủ trong định mức và giá dịch vụ khám chữa bệnh là chưa phù hợp).

#### **4. Kiến nghị, đề xuất khác**

- Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 24 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 như sau: Tổng mức thanh toán chi phí KCB BHYT trong năm sẽ bằng tổng số chi phí KCB BHYT phát sinh trong năm sau khi hệ thống giám định BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh xác định tính đúng và hợp lý của các hồ sơ bệnh án.

- Đề nghị xem xét gộp Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật thành một văn bản để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuận tiện trong việc tra cứu xây dựng hồ sơ theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh. Đồng thời, trong xây dựng danh mục kỹ thuật cần có mã tương đương đầy đủ để thanh quyết toán bảo hiểm y tế.

- Hiện nay, số người dân nhiễm Viêm gan B, C cao mà chỉ xét nghiệm mới phát hiện được bệnh. Tuy nhiên, khi các cơ sở KCB chỉ định xét nghiệm viêm gan B, C thì không được chi trả bảo hiểm y tế. Đề nghị BHYT thanh toán xét nghiệm tầm soát viêm gan B, C như các bệnh cao huyết áp, tiểu đường.

- Các công thức tính quỹ định suất toàn quốc, suất chi phí cơ bản toàn quốc, quỹ định suất tỉnh, suất phí cơ bản tỉnh, quỹ định suất cơ sở từ Điều 4 đến Điều 8 của Thông tư 04/2021/TT-BYT ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế hướng dẫn thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT theo định suất phức tạp, khó hiểu. Do đó đề nghị cần quy định đơn giản, dễ hiểu hơn.

- Đề nghị xem xét tăng mức phụ cấp trực cho cán bộ y tế. Do hiện nay chế độ trực cho cán bộ y tế thực hiện theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch” đến nay không còn phù hợp và chưa tương xứng với mức độ trách nhiệm, cường độ làm việc của cán bộ y tế tại các cơ sở công lập.

- Đề nghị quản lý chặt chẽ nội dung quảng cáo về thực phẩm chức năng (TPCN) như thuốc chữa bệnh, tránh tình trạng giá cả TPCN bị đẩy lên cao, gây thiệt hại cho người bệnh. Do hiện nay tất cả các loại thuốc đang lưu hành trên thị trường đều được cấp phép và quản lý chặt chẽ bởi Cục Quản lý dược, trong khi các sản phẩm TPCN không được xem là thuốc nên không cần tuân theo các yêu cầu nghiêm ngặt về độ an toàn và hiệu quả như thuốc.

- Hiện nay, đơn vị thực hiện giám định thanh quyết toán BHYT vừa quản lý quỹ BHYT vừa thực hiện giám định thanh toán là chưa phù hợp. Đề nghị thành lập cơ quan giám định độc lập để giám sát việc thực hiện khám chữa bệnh và thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT từ quỹ BHYT nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch giữa bên trả tiền và bên cung ứng dịch vụ.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát thu thập thông tin lấy ý kiến đối với một số dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn./.

**Nơi nhận:**

- Các vị ĐBQH tỉnh khóa XV;
- Các đơn vị thuộc đối tượng khảo sát (*tại mục I, phần II Kế hoạch số 19/KH-ĐĐBQH ngày 20/4/2022 của Đoàn ĐBQH tỉnh*);
- Thành viên Đoàn khảo sát (*theo Quyết định số 05/QĐ-ĐĐBQH ngày 25/4/2022 của Đoàn ĐBQH tỉnh*);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTQH;
- Lưu: VT, HSCV (*Tuyên-02b*).

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI**

**KT. TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**



**Ho Thị Kim Ngân**